

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 433/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Ông Nguyễn Duy Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Ngọc Thu H, sinh năm 2000

Địa chỉ: A Tỉnh lộ 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Nguyễn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 1 L, Phường H, quận T, Tp ..

Hiện đang chấp hành án tại Đội 17, Phân trại I, Cục C Trại giam H1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Đỗ Ngọc Thu H trình bày: Bà và ông Phạm Nguyễn T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường H2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn. Sau khi kết hôn khoảng 1 - 2 tháng, ông T bị bắt và hiện đang chấp hành án tại Trại giam H1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do vợ chồng không còn tình cảm, không có sự ràng buộc về những mối quan hệ khác cũng như khả năng hàn gắn là không có nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2025 tại Phân trại 1, Trại giam H1, huyện T, tỉnh Bình Thuận, bị đơn là ông Phạm Nguyễn T trình bày: Ông và bà Đỗ Ngọc Thu H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì tuy nhiên, hiện nay ông đang chấp hành án nên ông đồng ý ly hôn để bà H sắp xếp lại cuộc sống. Do điều kiện cá nhân nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành hòa giải, tuy nhiên do bị đơn có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do đó Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, tuy bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam H1, huyện T, tỉnh Bình Thuận nhưng có địa chỉ cư trú trước khi chấp hành án là tại Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 31/2023, đăng ký ngày 26/5/2023 do Ủy ban nhân dân Phường H2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo công văn của Ủy ban nhân dân Phường H2, quận T được biết không nhận được thông tin hay đơn thư yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình giữa hai bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có; bị đơn đồng ý ly hôn. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Phường H2, quận T không nhận được đơn thư yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đỗ Ngọc Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Ngọc Thu H được ly hôn với ông Phạm Nguyễn T.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Ngọc Thu H chịu, được căn trừ vào số tiền bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003335 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**